

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST  
Ngày 18-01-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Huệ;

2. Ông Đỗ Đức Nhân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 đối với:

Bị cáo Đoàn Văn T sinh ngày 12/3/1971; tại: huyện B, T phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện B, T phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn M và bà: Trương Thị B (đều đã chết); vợ: Nguyễn Thị Nsinh năm 1976 (đã ly hôn), con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2006

Tiền án: Bản án số 45/2018/HS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong án phạt tù ngày 16/9/2019, chấp hành xong án phí ngày 24/8/2018.

Tiền sự: Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 13/8/2009 của Ủy ban nhân dân huyện B, T phố Hải Phòng về việc đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện tại cơ sở chữa bệnh, thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 27/6/2011; Quyết định số 1216/QĐ-UBND, ngày 26/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện B, T phố Hải Phòng về việc đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện tại cơ sở chữa bệnh, thời hạn 24 tháng, ngày 18/5/2014 được tạm giao về gia đình để điều trị bệnh, đến nay chưa chấp hành xong

Bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020, đến ngày 06/11/2020 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*Người chứng kiến:*

- Ông Nguyễn Đức H sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Ông Nguyễn Văn S sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt ông H và ông S).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/11/2020, tại khu vực cánh đồng thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Công an huyện Q phát hiện Đoàn Văn T đang điều khiển xe đạp mini, có biểu hiện liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu T về trụ sở Ủy ban nhân dân xã A để kiểm tra thì T thả từ trong lòng bàn tay phải xuống đường 02 gói giấy trắng có dòng kẻ. Tổ công tác yêu cầu T nhặt gói đó lên cho vào túi quần bên phải phía trước đang mặc mang về trụ sở Ủy ban nhân dân xã A để làm việc. Tại đây, trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương, ông Nguyễn Đức H và ông Nguyễn Văn S, tổ công tác tiến hành kiểm tra, thu giữ tại túi quần bên phải phía trước T đang mặc 02 gói giấy trắng có dòng kẻ chứa chất bột màu trắng dạng cục. T khai nhận đó là gói Hêrôin T mua với giá 100.000 đồng để sử dụng cho bản thân; kiểm tra chiếc xe đạp trên không phát hiện, thu giữ gì. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng để tiếp tục điều tra làm rõ.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đoàn Văn T không thu giữ tài sản, đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận giám định 391/KLGD-PC09 ngày 04/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

*“Vật chứng gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có khối lượng 0,2547gam (Không phải hai nghìn năm trăm bốn mươi bảy gam).*

*Hêroine STT: 09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”.*

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận: Bản thân nghiện ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 03/11/2020, T đi bộ từ nhà sang nhà anh trai là Đoàn Văn P sinh năm 1964 cùng Thôn để mượn xe đạp và đạp xe sang huyện Q, tỉnh Thái Bình với mục đích mua Hêrôin về sử dụng. Khi đi đến khu vực ngã tư V, xã A, huyện Q thì T dừng xe, đi vào một ngõ nhỏ, mua của một người không quen biết 02 gói Hêrôin với giá 100.000 đồng rồi cầm trong lòng bàn tay phải, đi bộ và ra đạp xe tìm chỗ vắng để sử dụng. Khi đến khu vực cánh đồng thôn V, xã A, huyện Q thì bị tổ công tác Công an huyện Q phát hiện, bắt quả tang.

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKSQP ngày 25/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình truy tố Đoàn Văn T về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đoàn Văn T về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*; Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 50, điểm s, khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng đến 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/11/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tịch thu để tiêu hủy toàn bộ vật chứng là hêrôin thu được của bị cáo trong phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định; Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đoàn Văn T.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận do nghiện ma túy nên bị cáo đã đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng do Công an huyện Q lập ngày 03/11/2020, lời khai của người chứng kiến, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

**Do đó có đủ cơ sở kết luận:** Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/11/2020, tại khu vực cánh đồng thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Đoàn Văn T đã có hành vi cất giấu tại túi quần bên phải phía trước đang mặc 02 gói ma túy, loại hêrôn, có khối lượng 0,2547 gam (*Không thấy hai nghìn năm trăm bốn mươi bảy gam*) nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

#### **“Điều 249 Tội tàng trữ trái phép chất ma túy**

*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các Điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

*b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;*

*c)Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*

.....

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm, nhức nhối của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, làm phát sinh đại dịch HIV/AIDS và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng vì nghiện ma túy nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s của khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã có 02 tiền sự đều về việc bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh để cai nghiện. Bị cáo có tiền án và tiền sự đều liên quan đến ma túy nhưng vẫn không chịu tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Như vậy, về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bản thân thuộc hộ nghèo lại nghiện ma túy vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Do không có căn cứ xác định người đã bán ma túy cho bị cáo nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe đạp mini nhật mà bị cáo sử dụng để làm phương tiện đi mua ma túy, đây là xe của anh Đoàn Văn P – anh trai bị cáo, anh Phúc không biết bị cáo mượn xe để đi mua ma túy, nên Công an huyện Q đã trả lại chiếc xe đạp này cho anh Phúc là phù hợp. Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 02 gói chứa chất bột màu trắng dạng cục, kết quả giám định kết luận là ma túy loại hêrôin và hoàn trả mẫu vật sau giám định, đây là loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy số ma túy đã thu giữ còn lại sau giám định là phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, tuy nhiên bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp với khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/11/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy 0,1994 gam (*Không thấy một nghìn chín trăm chín mươi tư gam*) mẫu gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của Đoàn Văn T trong phong bì hoàn trả mẫu vật sau giám định ghi số 391/KLGĐ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đoàn Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***

- Bị cáo;
- VKSND h. Q;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Q;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA h. Q;
- Trại tạm giam;
- UBND xã L, h.B;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**  
(Đã ký)